

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2020/HS-ST**

Ngày 03/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Đồng và ông Đỗ Mạnh Châm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2020/TLST- HS ngày 19 tháng 8 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST- HS ngày 21/8/2020, đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc A, sinh ngày 20/8/1985 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã Tr, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trịnh Viết Đ và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Đặng Thị Ánh N (đã chết) và 01 con (sinh năm 2013); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 26/11/2003 Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; ngày 29/9/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 12/5/2014 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong án phạt tù ngày 14/01/2020); nhân thân: Ngày 22/5/2003 Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích theo Nghị quyết số 33/2009/QH12, ngày 19/6/2009 của Quốc hội).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31/5/2020, bị cáo Trịnh Ngọc A đi xe ôm đến khu vực Bờ hồ, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mua được 01 gói Heroine gói

ngoài bằng giấy bạc màu vàng của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, với số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua được Heroine, bị cáo ra khu vực vắng người gần đó lấy một ít Heroine trong gói vừa mua được ra sử dụng, bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể; số Heroine còn lại bị cáo gói lại, cất giấu vào túi quần đang mặc trên người và đi bộ về nhà. Khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, khi bị cáo đi đến khu vực tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thì bị Tổ công tác Công an phường T, phát hiện lập biên bản sự việc, thu giữ 01 gói Heroine bị cáo cất giấu trong túi quần đang mặc. Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với bị cáo, kết quả (+) dương tính.

Tại Kết luận giám định số 438/GĐKTHS ngày 02/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật gửi giám định (số chất bột vón cục màu trắng ngà thu giữ của Trịnh Ngọc A) là chất ma túy, loại Heroine; khối lượng 0,020g (không phải không hai không gam).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSTP ngày 18 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc A về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Ngọc A về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc A từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 05 tháng tù. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; xử lý vật chứng; tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi vi phạm của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc A tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản sự việc; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 10 phút ngày 31/5/2020, tại khu vực thuộc tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trịnh Ngọc A đã có hành vi cất giữ trái phép 0,020g (không phải không hai không gam) Heroin, mục đích để sử dụng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Tuy bị cáo tàng trữ khối lượng ma túy dưới mức định tội nhưng trước khi phạm tội, bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo có 03 tiền án (01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 tiền án tội mua bán trái phép chất ma túy, 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”) nhưng 02 tiền án về tội ma túy đã được xác định là tình tiết định khung (do khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ dưới mức định tội), vì vậy bị cáo không thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 31/5/2020 của bị cáo, Công an thành phố Tuyên Quang đã xử phạt vi phạm hành chính (phạt cảnh cáo); đối với người đàn ông theo bị cáo khai nhận đã bán Heroine cho bị cáo vào ngày

31/5/2020 tại khu vực Bờ hồ, thuộc phường P, thành phố T, nhưng không xác định được tên, địa chỉ, không có căn cứ điều tra xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại (sau khi giám định) đã thu giữ của bị cáo được niêm phong theo quy định là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc A phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc A 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (31/5/2020).

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) 01 phong bì niêm phong trên các mép dán có chữ ký của Trịnh Ngọc A, chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có 0,010 gam Heroine (số còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định).

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 20/8/2020.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Khắc Đồng – Đỗ Mạnh Châm

Nguyễn Tuấn Vinh

